

MÔ HÌNH QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TỪ XA ĐÁP ỨNG NHU CẦU NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

PHAN VĂN KHA - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: pvkha@moet.edu.vn

PHẠM PHƯƠNG TÂM - Trường Đại học Cần Thơ
Email: pptam@ctugtu.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến nội dung quản lý đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ đại học được thực hiện theo 3 hướng tiếp cận gồm: (1) Tiếp cận các thành tố của quá trình đào tạo từ xa; (2) Tiếp cận theo nhu cầu của các cơ sở sử dụng nhân lực; (3) Tiếp cận theo các chức năng quản lý để xây dựng khung lý luận về quản lý đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ đại học. Trên cơ sở đó, xác định mô hình gồm 4 thành tố quản lý đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ đại học bao gồm: (1) Xây dựng quy hoạch đào tạo từ xa; (2) Quản lý thực hiện quy hoạch đào tạo từ xa; (3) Quản lý tác động của môi trường; (4) Quản lý kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình đào tạo từ xa. Đây là cơ sở để khảo sát thực trạng và đề xuất các giải pháp hiệu quả giải quyết những bất cập trong quản lý đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ đại học.

Từ khóa: Đào tạo từ xa; quản lý đào tạo từ xa; nhu cầu nhân lực trình độ đại học; quá trình đào tạo từ xa.

(Nhận bài ngày 05/10/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 18/10/2016; Duyệt đăng ngày 27/11/2016).

1. Đặt vấn đề

Đào tạo từ xa (ĐTTX) trình độ đại học (ĐH) là hình thức đào tạo (ĐT) đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, cộng đồng và các đơn vị sử dụng nhân lực; người học có thể học ở mọi nơi, mọi lúc; phù hợp với những đặc thù về địa lý, kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng miền. Trong ĐTTX, vai trò tự học của người học là cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp/ gián tiếp của người dạy, sự hỗ trợ của hệ thống nguồn học liệu mở, các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại của các cơ sở ĐT (CSĐT).

Quản lý (QL) ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH là hoạt động (HD) QL của cơ quan QL nhà nước các cấp về giáo dục, ĐH và các CSĐT ĐH từ xa đối với các thành tố của quá trình ĐT từ đầu vào, quá trình dạy học đến kết quả đầu ra nhằm ĐT nhân lực trình độ ĐH, đáp ứng đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng (CL) theo chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu phát triển về kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng miền và quốc gia. ĐTTX ở Việt Nam có những nét đặc thù, khác biệt và lợi thế so với hệ thống ĐT chính quy. Đây là hình thức ĐT còn mới ở nước ta nên khi triển khai còn nhiều bất cập về nội dung, chương trình, phương pháp, kiểm tra (KT), đánh giá (ĐG) và các điều kiện đảm bảo CL... Để giải quyết những bất cập đó cần đặc biệt quan tâm, nâng cao vai trò, thực hiện hiệu quả QL ĐTTX nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH. Trong phạm vi bài báo này, các tác giả tập trung đề cập khía cạnh lý thuyết về những cách tiếp cận nghiên cứu về QL ĐTTX, mô hình và các nội dung QL của CSĐT đối với ĐTTX.

2. Các hướng tiếp cận nghiên cứu quản lý đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ đại học

Tiếp cận theo các thành tố của quá trình ĐTTX, nhu cầu của các cơ sở sử dụng nhân lực (CSSDNL) và theo các chức năng QL sẽ là những hướng tiếp cận lý thuyết phù

hợp, có tính bao quát ở các nghiên cứu QL ĐTTX trong điều kiện thực tiễn nước ta. Đồng thời, ĐTTX và QL ĐTTX đều hướng tới mục tiêu cuối cùng là phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

2.1. Tiếp cận các thành tố của quá trình đào tạo từ xa

QL ĐTTX theo tiếp cận các thành tố của quá trình ĐT bao gồm:

- QL xây dựng, thẩm định và ban hành quy hoạch ĐTTX của CSĐT đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH.

- QL quá trình thực hiện quy hoạch ĐTTX, gồm: QL đầu vào (chương trình ĐT; tuyển sinh; đội ngũ giảng viên; phương tiện kĩ thuật dạy học và học liệu; tài chính); QL quá trình dạy và học (HD dạy, hướng dẫn của đội ngũ giảng viên; HD học, tự học của sinh viên (SV); KT, ĐG kết quả học tập của SV); QL đầu ra (không dừng lại ở kết quả tốt nghiệp của SV ra trường/Output mà cần quan tâm đến kết quả đầu ra/Outcome - việc làm của SV tốt nghiệp, đáp ứng nhu cầu của CSSDNL, khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn, có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp và xã hội. Do dung lượng các nội dung QL thực hiện quy hoạch ĐTTX là rất lớn, mặt khác HD KT, giám sát, ĐG ĐTTX đóng vai trò đặc biệt quan trọng, các tác giả đã tách và trình bày thành một nội dung riêng.

- QL các tác động, ảnh hưởng của bối cảnh đến HD ĐTTX và QL ĐTTX.

- QL KT, giám sát, ĐG các khâu, các giai đoạn, các nội dung/thành tố của quá trình ĐTTX để đảm bảo ĐTTX được triển theo đúng kế hoạch, có CL, đáp ứng yêu cầu và thực tiễn đặt ra, có sự điều chỉnh khi cần thiết.

2.2. Tiếp cận theo nhu cầu của các cơ sở sử dụng nhân lực (cung - cầu)

Tiếp cận cung cầu trong QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH:

- Cầu về nhân lực trình độ ĐH thông qua ĐTTX được thể hiện về số lượng, cơ cấu lĩnh vực/ngành, trình độ



được ĐT và CL nhân lực sau ĐT.

- Cung về nhân lực trình độ ĐH thông qua ĐTTX không chỉ là khả năng đáp ứng hay đảm bảo kết quả đầu ra của SV tốt nghiệp đối với CSSDNL và thị trường lao động về kiến thức, năng lực, phẩm chất mà còn là khả năng cung ứng đúng thời điểm của CSĐT cho CSSDNL và thị trường lao động về số lượng, cơ cấu lĩnh vực/ngành. Nhu cầu ĐT nhân lực phải được coi là căn cứ quan trọng nhất trong việc triển khai đồng bộ tất cả các khâu gồm: 1) Xây dựng quy hoạch ĐTTX; 2) QL đầu vào từ thiết kế đến triển khai chương trình ĐT, tuyển sinh, quy hoạch xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo CL, phương tiện kĩ thuật, học liệu, nguồn tài chính phục vụ cho quá trình QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH; 3) Xây dựng kế hoạch dạy học và QL quá trình dạy và học, KT, ĐG kết quả học tập của SV; 4) QL đầu ra.

Quan hệ cung - cầu còn được thể hiện qua mối quan hệ trực tiếp giữa CSSDNL với đội ngũ nhân lực trình độ ĐH. Theo quy luật cung - cầu, nếu CSĐT không gắn với yêu cầu của CSSDNL và thị trường lao động thì ĐT không đáp ứng đủ nhân lực dẫn đến sản xuất, kinh doanh và dịch vụ không phát triển. Ngược lại, nếu CSĐT ĐT vượt quá nhu cầu của CSSDNL, thị trường lao động thì sẽ mất cân bằng cung - cầu, dẫn đến thất nghiệp, ảnh hưởng đến CSĐT, CSSDNL và xã hội.

2.3. Tiếp cận theo các chức năng quản lí

Đây là quá trình QL ĐTTX theo các chức năng: Lập kế hoạch; Tổ chức thực hiện; Lãnh/chỉ đạo; KT, ĐG quá trình. Triển khai QL ĐTTX theo các chức năng QL, chủ thể QL bằng các công cụ, phương tiện QL, tác động đến các đối tượng QL nhằm đạt đến mục tiêu cao nhất là ĐT nhân lực trình độ ĐH hiệu quả, CL và đáp ứng nhu cầu các CSSDNL, cá nhân, cộng đồng.

3. Mô hình quản lí đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ đại học

Từ các hướng tiếp cận trên, mô hình QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH bao gồm các thành tố sau: Xây dựng quy hoạch ĐT từ xa; QL thực hiện quy hoạch ĐT từ xa; QL tác động của bối cảnh (Context); KT, giám sát và ĐG ĐTTX.

3.1. Xây dựng quy hoạch đào tạo từ xa

Trước yêu cầu đổi mới giáo dục, để đảm bảo được việc QL ĐTTX đáp ứng được nhu cầu nhân lực trình độ ĐH của xã hội, thị trường lao động và CSSDNL, các CSĐT có tổ chức ĐT theo ĐTTX trước khi tổ chức tuyển sinh, ĐT cần tiến hành xây dựng quy hoạch về ĐTTX một cách nghiêm túc, khoa học và cầu thị.

Bám sát và xử lí được các thông tin về biến động của thị trường lao động ở vùng miền và cả nước, kết hợp với các dự báo phát triển nhân lực dài hạn, các chiến lược phát triển giáo dục và ĐT, thông qua các hình thức ĐT như chính quy và không chính quy (trong đó có ĐTTX và ĐT vừa làm vừa học). Việc quy hoạch phải đảm bảo hệ thống ĐT gắn với sản xuất, đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Lưu ý các nội dung quy hoạch phải thể hiện rõ: Nhu cầu của CSSDNL trong vùng, thị trường lao động và xã hội trong từng giai đoạn cụ thể; theo thời gian, dự đoán được bước phát triển của kinh tế - xã hội; những thách thức, cơ hội đối với sự tồn tại và phát triển của hình thức ĐTTX.

Quy hoạch cần nhận thức rõ năng lực, khả năng của CSĐT về các chương trình, nội dung ĐT; khả năng tuyển sinh; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí (CBQL); điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu; nguồn tài chính,... quan trọng hơn là thực trạng CL ĐT của hình thức trong những năm qua. Xác định mục tiêu, các giải pháp, lộ trình thực hiện và điều kiện đảm bảo thực hiện hiệu quả quy hoạch.

Huy động được đội ngũ chuyên gia, giảng viên giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong và ngoài hệ thống tiến hành khảo sát; thu nhận và xử lí thông tin; tổ chức phân tích và soạn thảo quy trình chính xác, khoa học và khả thi trước khi ban hành.

3.2. Quản lí thực hiện quy hoạch đào tạo từ xa

3.2.1. Quản lí các yếu tố đầu vào

- QL chương trình ĐT

Trên cơ sở xác định nhu cầu CSSDNL, nhu cầu của người học, năng lực của CSĐT xây dựng chương trình ĐT phù hợp, đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả.

Nguyên tắc thiết kế chương trình là bám sát vào đặc thù của ĐTTX. Đó là quá trình ĐT và tự ĐT thông qua tự học, tự nghiên cứu, kết hợp với sự hỗ trợ học liệu và hướng dẫn, hỗ trợ của giảng viên. Đối tượng SV lại rất đa dạng và phong phú về trình độ, độ tuổi, xuất thân nên việc thiết kế và phát triển các chương trình ĐTTX đòi hỏi luôn phải đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt, tính thực tiễn cao để thu hút nhiều đối tượng tham gia học tập. Đồng thời đảm bảo đúng các yêu cầu thời gian ĐT, lên lớp, các nội dung chương trình, khối lượng kiến thức cơ bản và chuyên ngành theo yêu cầu và tiêu chuẩn chung của SV bậc ĐH. Tôn trọng, tuân thủ các quy định, hướng dẫn QL Bộ GD&ĐT.

Mục tiêu của việc phát triển chương trình ĐT là đảm bảo cung cấp nội dung kiến thức, hoàn chỉnh các kĩ năng và phẩm chất của SV. SV có thể đáp ứng chuẩn đầu ra, tức đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm của CSSDNL và xã hội; thỏa mãn được nhu cầu học tập cá nhân.

Huy động đội ngũ chuyên gia giỏi chuyên về thiết kế chương trình cùng đội ngũ giảng viên, CBQL nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy để biên soạn học liệu, QL, tiến hành tổ chức phân tích lĩnh vực/ngành ĐT. Dựa trên mô hình HĐ của người tốt nghiệp trình độ ĐH, để xác định mô hình năng lực/chuẩn đầu ra của ngành ĐT, xác định mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực, phẩm chất của người học. Đối chiếu, so sánh với các chương trình ĐT cùng trình độ, cùng lĩnh vực/ngành của các CSĐT khác trong và ngoài nước ngoài để hoàn thiện.

Mời các CSSDNL cùng tham gia xây dựng, góp ý và thẩm định chương trình. Quá trình tổ chức thiết kế, xây dựng chương trình của từng ngành ĐTTX phải được thực hiện theo đúng các bước: Huy động thành phần tham gia thiết kế; tổ chức thẩm định, hội thảo lấy ý kiến; tiếp thu hoàn thiện; thẩm định và ban hành thực hiện. Việc tổ chức thực hiện theo các bước sẽ góp phần tạo giá trị và tính thực tiễn, độ tin cậy và giá trị sử dụng cao, lâu dài, hiệu quả.

Sau khi ban hành chương trình ĐT, cần tổ chức biên soạn học liệu phù hợp với nội dung chương trình đã được biên soạn và ban hành.

Thông tin phản hồi, ĐG, cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học, phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực/ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động. Tổ chức tiếp nhận sự phản hồi thông tin từ các bên có liên quan có ý nghĩa quan trọng, giúp CSĐT có cơ sở thông tin để cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình ĐT ngày càng thích ứng, tiếp cận trình độ thế giới và đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực trình độ ĐH thông qua ĐTTX.

- QL tuyển sinh

Các CSĐT cần tổ chức triển khai xác định được nhu cầu ĐT cụ thể theo từng lĩnh vực/ngành của CSSDNL, thị trường lao động và xã hội; tiến hành tổ chức tư vấn, quảng bá hình thức ĐT và thông báo tuyển sinh đến các đối tượng, CSSDNL, đơn vị, tổ chức.

Xác định đối tượng đầu vào của ĐTTX với đặc thù phần lớn thí sinh là người lớn tuổi và học sinh mới tốt nghiệp từ các trường trung học phổ thông, trong QL tuyển sinh các CSĐT chú trọng khâu hỗ trợ tư vấn tuyển sinh cho thí sinh trong việc định hướng, chọn ngành, khóa học cho phù hợp với năng lực, nguyện vọng, thời gian, trình độ, điều kiện tài chính của bản thân. Các CSĐT phân loại đối tượng và tổ chức mở các hình thức, các lĩnh vực/ngành ĐT phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau.

Tuyển sinh đúng quy định của CSĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện qua việc đảm bảo tuyển đủ số lượng; đúng cơ cấu ngành ĐT; đúng đối tượng; đáp ứng cả năng lực người học, năng lực CSĐT, nhu cầu của CSSDNL và thị trường lao động.

- QL giảng viên

Giảng viên có vai trò quan trọng, quyết định đến quá trình, CL ĐT, có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt, được ĐT chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng sư phạm, sức khỏe tốt và lí lịch rõ ràng để thực hiện những nhiệm vụ: Trang bị cho SV những tri thức khoa học hiện đại; kĩ năng, kĩ xảo về một lĩnh vực khoa học nhất định; phát triển trí tuệ, tư duy sáng tạo, phương pháp tự học, tự nghiên cứu; hình thành thế giới khách quan khoa học, các chuẩn mực xã hội và đạo đức trong nghề nghiệp.

QL đội ngũ giảng viên và HĐ dạy, hướng dẫn bắt đầu từ khâu tuyển dụng từ đội ngũ giảng viên cơ hữu của CSĐT, cùng với thỉnh giảng là các nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia bên ngoài có năng lực, trình độ đến bố trí tham gia giảng dạy các ngành ĐT phù hợp. Công tác QL phải giám sát được: Thực hiện giảng dạy đúng kế hoạch; dạy đúng chương trình; quan tâm và thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp hỗ trợ SV tự học; tổ chức ĐG kết quả học tập của SV đảm bảo chính xác, công bằng, kịp thời.

Giảng viên khi tham gia dạy từ xa phải luôn tự bồi dưỡng cũng như được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, năng lực ngoại ngữ, tin học, đặc biệt là năng lực biên soạn và sử dụng học liệu, sử dụng các trang thiết bị, phương tiện kĩ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin... trong ĐTTX.

Tạo điều kiện để đội ngũ được thường xuyên tham dự hội thảo, tập huấn trong trường và ngoài trường, cơ hội trao đổi về kinh nghiệm về phương pháp biên soạn

học liệu, giảng dạy, ĐG, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, hướng dẫn SV...

Bên cạnh đó, các chế độ, chính sách như tiền lương, đãi ngộ giảng viên; cải thiện môi trường và điều kiện làm việc; tạo thêm việc làm để tăng thu nhập bằng các HĐ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội gắn liền với công tác chuyên môn.

- QL phương tiện kĩ thuật, học liệu

QL phương tiện kĩ thuật: Quá trình học tập từ xa có sự hỗ trợ, hướng dẫn của đội ngũ giảng viên nhưng trong thời gian tự học, tự nghiên cứu, SV phải liên tục tìm kiếm và truy cập thông tin, học liệu trên máy tính, tham khảo các nguồn học liệu điện tử; trao đổi, tương tác giữa giảng viên và SV, giữa SV với SV... Các HĐ phải thông qua hệ thống phương tiện kĩ thuật của cá nhân và sự hỗ trợ của các CSĐT.

Bố trí đội ngũ chuyên trách vận hành và hỗ trợ khai thác cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng; cần phải thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng.

Ban hành các quy định, quy chế, quy trình về QL sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa theo định kì đảm bảo hệ thống phương tiện kĩ thuật luôn vận hành tốt đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giảng viên, nhu cầu học tập và tìm kiếm thông tin của SV.

QL học liệu: Các CSĐT đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ biên soạn, sản xuất học liệu sẽ góp phần nâng cao CL nguồn học liệu, khẳng định uy tín của CSĐT. Học liệu phải vừa đảm bảo có hàm lượng khoa học vừa đảm bảo sự thích hợp với đối tượng tự học, có xem xét đặc thù của vùng miền, quốc gia.

QL phân phối và khai thác học hiệu quả cũng là nhiệm vụ quan trọng của nhà QL. Do đó, phải thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm cho đội ngũ QL; không ngừng tiếp thu các nguồn học liệu hiện đại; bổ sung, điều chỉnh học liệu đa dạng, hiện đại đáp ứng với nhu cầu học tập ngày càng đa dạng và phát triển xã hội.

- QL tài chính

Hướng tới việc thường xuyên đầu tư đổi mới, bổ sung, tăng cường phương tiện kĩ thuật công nghệ, học liệu đáp ứng yêu cầu phát triển ĐTTX và nhu cầu học tập của người học.

Tổ chức nghiên cứu, khảo sát và ban hành các chính sách về tài chính, đặc biệt là mức học phí phù hợp cho đối tượng SV tham gia học ĐTTX. Xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ về tài chính cho các đối tượng tham gia học tập từ xa từ các phía Nhà nước, địa phương, CSĐT và CSSDNL.

3.2.2. Quản lí các yếu tố của quá trình dạy học

- QL HĐ dạy, hướng dẫn SV

Đội ngũ giảng viên cần nỗ lực và tích cực thực hiện các nhiệm vụ trên một cách sáng tạo, hiệu quả hơn. Giảng viên phải luôn nhạy bén, linh hoạt, thay đổi phương pháp dạy học phù hợp theo từng đối tượng, theo năng lực người học. Họ phải là người hướng dẫn, hỗ trợ và cung cấp thông tin, kiến thức cho SV để SV chủ động tự học.

Giảng viên cần đổi mới tư duy về cách tiếp cận giảng dạy, chuyển từ dạy theo tiếp cận nội dung sang



tiếp cận mục tiêu, theo năng lực thực hiện, đặc biệt quan tâm đến việc hình thành cho SV những năng lực cần thiết, có khả năng nắm và tham gia các hình thức lao động ở từng trình độ và ngành ĐT khác nhau mà thị trường lao động đòi hỏi để sau khi tốt nghiệp SV có thể có cơ hội tìm được việc làm, đáp ứng yêu cầu của người học, CSSDNL.

- QL HĐ học và tự học của SV

Hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho quá trình học và tự học, quá trình tiếp thu và tham gia chính phục tri thức nhân loại, đồng thời tạo mọi điều kiện để đội ngũ này phát triển toàn diện về thể lực, trí lực và tâm lực.

Đối với các học phần tổ chức học trực tuyến, cần tổ chức hệ thống QL và giám sát được quá trình tự học và tham gia học tập của SV thông qua: Số lượt truy cập bài giảng, học liệu; số lượt tham gia trao đổi, thảo luận nhóm; số lượt trả lời câu hỏi và làm bài tập trên hệ thống; kết quả KT trên hệ thống của SV. Nếu các công tác này được thực hiện chính xác, công bằng thì sẽ tạo niềm tin, động lực học tập lớn cho SV.

Đối với các học phần tự học có hướng dẫn, cần quan tâm đến kế hoạch học tập, thời gian tập trung và giám sát được quá trình thực hiện kế hoạch, nội dung chương trình ĐT đúng thời gian, quy định. Tính nhân văn của việc ĐT có hướng dẫn là trong quá trình tiếp xúc giữa giảng viên và SV. Giảng viên có thể giúp SV hiểu rõ, hiểu sâu hơn về môn học, đồng thời giải đáp thắc mắc, giúp SV có thể vận dụng lý thuyết vào trong cuộc sống, quan trọng hơn là học được nhân cách, đạo đức của người thầy.

Tổ chức cho SV được bồi dưỡng thêm về công nghệ thông tin và truyền thông, ngoại ngữ để giúp họ sử dụng hiệu quả trong truy cập và tìm kiếm thông tin, nội dung có liên quan đến môn học, phục vụ tốt cho quá trình tự học, tự nghiên cứu của bản thân.

Thời gian tiếp xúc rất ít nhưng cũng cần thiết tổ chức QL, rèn luyện SV tham gia học tập ĐTTX cả nề nếp sinh hoạt và ý thức tổ chức, ý thức tập thể của SV từ việc dự học đúng kế hoạch, chấp hành tốt các quy định, nội quy trong quá trình học và đóng học phí đúng quy định.

- QL KT, ĐG kết quả học tập của SV

Giúp giám sát, KT việc giảng dạy, khả năng đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin của giảng viên; việc tiếp thu và tích lũy kiến thức trong quá trình học các môn học của SV, kịp thời động viên cả giảng viên lẫn SV trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học nhằm nâng cao CL ĐT.

ĐG kết quả học tập của SV phải đảm bảo luôn được thực hiện chính xác, công bằng, khách quan. Luôn quan tâm ứng dụng các phương pháp và công nghệ tiên tiến trong ĐG. Tổ chức kịp thời công bố và phản hồi thông tin về kết quả KT, ĐG để khuyến khích, duy trì động cơ và phát huy năng lực tự học của SV.

KT, ĐG kết quả học tập của SV tham gia học tập hình thức ĐTTX sau mỗi môn học hoặc đợt học sẽ giúp các CSĐT, nhà QL có được bức tranh tổng quát về ĐT... từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3.2.3. QL các yếu tố đầu ra

- QL thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp

Thông qua số lượng lao động tốt nghiệp hình

thức ĐTTX được tuyển dụng và tham gia làm việc tại các CSSDNL. CSĐT tổ chức đội ngũ QL tiến hành khảo sát, tổng hợp, xử lý và lưu trữ thông tin SV tốt nghiệp: Khả năng tìm việc và tự tạo việc làm của SV sau khi tốt nghiệp; khoảng thời gian tìm việc là 6 tháng, 12 tháng hoặc lâu hơn; vị trí việc làm; đúng hoặc không đúng lĩnh vực/ngành được ĐT; khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV; tham gia học tập ở trình độ cao hơn khi có nhu cầu; số lượng SV tốt nghiệp đăng kí học liên thông ở trình độ sau ĐH.

- QL thông tin sự phát triển nghề nghiệp của SV

Đáp ứng được yêu cầu việc làm; có thu nhập đảm bảo và ổn định; cơ hội phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp của SV; khả năng thích ứng với sự biến đổi của môi trường cũng như sự thay đổi nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, lĩnh vực/ngành sản xuất, xã hội là các nội dung mà CSĐT cần thu thập và xử lý. Cơ sở tin cậy cho các CSĐT và các CSSDNL nghiên cứu, điều chỉnh và phát triển các chương trình ĐT, kết nối giữa các bên trong ĐT đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH.

- QL thông tin sự thỏa mãn nhu cầu của CSSDNL và cộng đồng

Thông tin về hài lòng, thỏa mãn của người học về các chương trình, kiến thức và kĩ năng được CSĐT cung cấp qua môn học, khóa học. Quan trọng hơn là thông qua phản hồi thông tin từ CSSDNL về: Sự thỏa mãn về nhu cầu nhân lực của CSSDNL thông qua ĐTTX; hài lòng và thỏa mãn nhu cầu của CSSDNL về "sản phẩm" - SV tốt nghiệp hình thức ĐTTX; thời gian cung cấp nhân lực chính xác, kịp thời; các cơ chế phối hợp cụ thể, minh bạch, trách nhiệm rõ giữa các bên có liên quan.

Từ đó, có các giải pháp để tiếp tục và tăng cường sự đáp ứng, thỏa mãn về nhu cầu nhân lực trình độ ĐH thông qua hình thức ĐTTX, góp phần ĐT tại chỗ nhân lực có trình độ ĐH cho các CSSDNL và nâng cao trình độ dân trí, ĐT nhân lực cho các địa phương, đặc biệt là các địa phương ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Trong QL ĐTTX, cùng với việc triển khai thực hiện các chính sách của nhà nước, các bộ ngành và các địa phương thì việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các chính sách nội bộ của các cơ sở ĐTTX phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị cũng có ý nghĩa quan trọng.

Tổ chức xây dựng và ban hành các chính sách xung quanh các chế độ, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, CBQL để đội ngũ phát triển về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và nâng cao các kĩ năng cần thiết. Xây dựng các chính sách về tài chính như chế độ lương, phụ cấp, khen thưởng, điều kiện nơi làm việc... sẽ khuyến khích đội ngũ an tâm công tác và cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp chung.

Tổ chức xây dựng và ban hành các chính sách đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của SV đối với CSĐT, của CSĐT đối với SV về các vấn đề chương trình, nội dung, kế hoạch ĐT, tốt nghiệp và các chi phí trong học tập.

Việc tổ chức biên soạn và ban hành các chính sách tốt, thiết thực, đúng thời điểm và được thực hiện linh hoạt sẽ là động lực góp phần hỗ trợ cho quá trình QL ĐTTX. Từ đó, tạo được niềm tin từ các phía có liên quan,

góp phần tăng số lượng người học, tăng nhu cầu nhân lực từ phía các CSSDNL và cộng đồng.

3.3. Quản lý tác động của bối cảnh

Bối cảnh là các điều kiện về kinh tế, xã hội (sự chuyển dịch cơ cấu, nhu cầu, đòi hỏi nhân lực trình độ...); các chính sách (học tập suốt đời, xã hội học tập, giáo dục thường xuyên, phát triển nhân lực...); sự hội nhập quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và ĐT; sự đầu tư (của các tổ chức, các đơn vị bên ngoài) cho các HĐ của quá trình ĐT. Tuy nhiên, khó có thể phân biệt một cách rành mạch, cụ thể từng yếu tố, từng nội dung vì các yếu tố bối cảnh thường đan xen và lồng ghép vào nhau. Trong QL ĐTTX, nhiệm vụ của các nhà QL CSĐT là tận dụng tối đa, hiệu quả các cơ hội và đưa các CSĐT vượt qua các nguy cơ, thách thức đối với sự phát triển ĐTTX.

- Triển khai thực hiện các chính sách của nhà nước, các bộ ngành và địa phương đối với ĐTTX

QL triển khai các chính sách của Nhà nước, của các bộ ngành và địa phương với các biện pháp, giải pháp cụ thể sẽ góp phần nâng cao nhận thức xã hội về ĐTTX, để mọi người, mọi tổ chức hiểu biết rõ hơn về đặc điểm, lợi ích và hiệu quả, từ đó tự nguyện tham gia vào sự nghiệp ĐTTX. Đảm bảo sự ổn định phát triển bên trong mỗi CSĐT song song với việc mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ĐTTX để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, tài trợ, đóng góp về kinh nghiệm, ĐT đội ngũ cán bộ QL, giảng viên, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ tiên tiến cho hệ thống ĐTTX ở Việt Nam.

- Huy động sự tham gia và hỗ trợ của CSSDNL

CSĐT thông tin về khả năng ĐT: Số lượng lĩnh vực/ngành ĐT; các chương trình đã được xây dựng theo chuẩn; đội ngũ giảng viên, CBQL; cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu; các chính sách hỗ trợ người học... Mặt khác, mời các chuyên gia giỏi của CSSDNL tham gia xây dựng chương trình, tham gia quá trình ĐT; hỗ trợ xây dựng các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong công việc, HĐ của CSSDNL.

CSSDNL thông tin về nhu cầu ĐT (vị trí việc làm, số lượng, yêu cầu về phẩm chất...); khả năng hỗ trợ chuyên gia tham gia xây dựng chương trình ĐT; giảng dạy và KT ĐG SV; cho phép SV đến thực tập, thực hành, thực tế tại cơ sở...; hỗ trợ về tài chính, học bổng, trang thiết bị...

Từ các thông tin về nhu cầu ĐT trên, CSĐT tổ chức xây dựng chương trình, tiến hành tuyển sinh và ĐT đáp ứng nhu cầu CSSDNL. Sự phối hợp và hỗ trợ như trên sẽ giúp các đơn vị phát triển, tăng cường được nhân lực hiệu quả. Điều quan trọng trong QL mối liên hệ này là các bên phải có cơ chế phối hợp bằng các văn bản, hợp đồng được kí kết, nêu rõ trách nhiệm ràng buộc về các vấn đề có liên quan, hạn chế tối đa các tác hại, ảnh hưởng xấu đến nhau.

Trong sự tham gia và liên kết ĐT, cần lưu ý đến mối liên kết giữa CSĐT (còn gọi là CSĐT chủ trì hay CSĐT chính là các trường ĐH) cùng CSĐT khác (gọi là CSĐT phối hợp hay đơn vị liên kết ĐT). Đây là mối liên kết hỗ trợ thông qua các hợp đồng liên kết cụ thể.

CSĐT chủ trì thông tin về khả năng ĐT (lĩnh vực/ngành; đội ngũ giảng viên, CBQL; cơ sở vật chất, phương

tiện kĩ thuật, học liệu; các chính sách hỗ trợ người học...) đến các đơn vị liên kết ĐT.

Đơn vị liên kết có nhiệm vụ phối hợp tư vấn, quảng bá, tuyển sinh, QL, tổ chức khai giảng, tốt nghiệp, cử giảng viên tham gia giảng dạy và tiếp nhận thông tin phản hồi từ phía người học, các CSSDNL phản ánh cho các CSĐT chủ trì. Trong liên kết ĐT giữa CSĐT chủ trì và các đơn vị liên kết trong lĩnh vực ĐTTX thì vai trò, trách nhiệm và quyền lợi các bên tham gia được phân công, thực hiện nghiêm túc để đảm bảo quá trình được diễn ra thông suốt, hạn chế tiêu cực, bảo đảm CL ĐT.

Phối hợp, liên kết tốt sẽ là điều kiện để thu hút ngày càng nhiều hơn SV tham gia học tập theo hình thức ĐTTX.

- Huy động sự tham gia và ủng hộ của cá nhân và cộng đồng

Từ nhu cầu học tập nhằm nâng cao trình độ, cập nhật và gia tăng kiến thức trong điều kiện xã hội và khoa học kĩ thuật không ngừng phát triển, trong môi trường xã hội học tập và học tập suốt đời là nhu cầu chính đáng, học để cải thiện CL cuộc sống, học để có khả năng tự tìm và tạo được việc làm tốt hơn cho bản thân, gia đình xã hội.

Sự tham gia và ủng hộ của cộng đồng thể hiện thông qua việc ủng hộ, động viên người thân, gia đình và xã hội tìm hiểu, có quan niệm đúng, tin tưởng và tích cực tham gia học tập hình thức ĐTTX góp phần tạo nguồn tuyển sinh cho hình thức phát triển. Đồng thời tham gia đóng góp về tài chính, vật chất cho công tác ĐTTX.

Khuyến khích các CSĐT tăng cường nghiên cứu, thiết kế các lĩnh vực/ngành ĐT, tăng cường đầu tư phương tiện kĩ thuật, học liệu và đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng các nhu cầu trên, đảm bảo về đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu ngành ĐT và CL "sản phẩm" trong ĐT.

- Tăng cường hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với các cơ sở ĐTTX khác với nhận thức: Hợp tác và cạnh tranh vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển, mang lại lợi ích cho các cơ sở ĐTTX.

3.4. Kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình đào tạo từ xa

Các nội dung KT, giám sát, ĐG ĐTTX gồm tất cả các vấn đề: Xây dựng quy hoạch ĐTTX; QL thực hiện quy hoạch ĐTTX; KT, giám sát và ĐG ĐTTX.

Trong quá trình KT, giám sát, ĐG ĐTTX, cần có kế hoạch cụ thể, tổ chức đội ngũ chuyên nghiệp và mời nhiều phía có liên quan cùng tham gia, đặc biệt là CSSDNL và SV đã tốt nghiệp. Kết quả KT, giám sát và ĐG phải được nghiên cứu nghiêm túc để điều chỉnh, bổ sung nhằm hoàn thiện quá trình ĐTTX và QL ĐTTX cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Mô hình QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH được khái quát trong Hình 1.

4. Kết luận

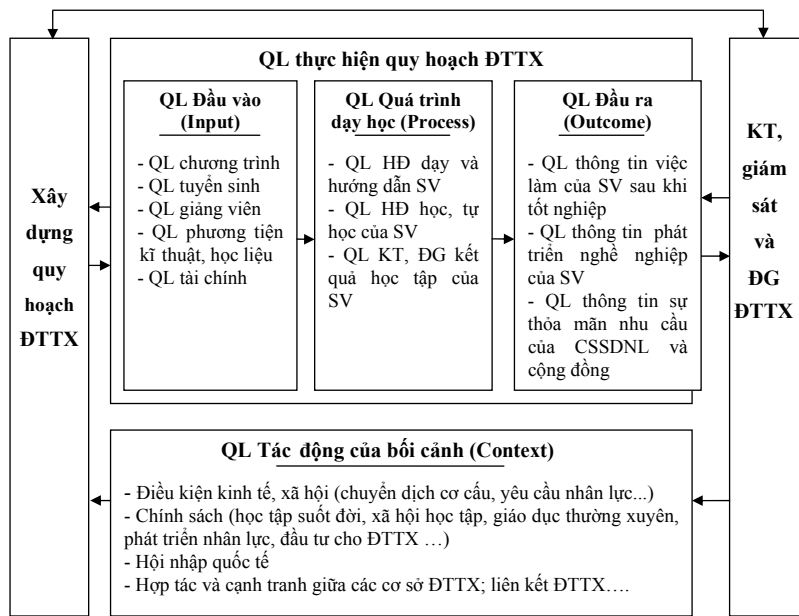
QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH được thực hiện theo 3 hướng: Tiếp cận gồm tiếp cận các thành tố của quá trình ĐTTX; tiếp cận theo nhu cầu của các CSSDNL (cung - cầu); tiếp cận theo các chức năng



QL để xây dựng khung lý luận về QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH. Trên cơ sở đó, xác định có 05 nội dung để QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH bao gồm: Xây dựng quy hoạch ĐTTX; QL thực hiện quy hoạch ĐTTX; QL KT, giám sát và ĐG quá trình ĐTTX. Đây là cơ sở quan trọng để thu thập dữ liệu, phân tích, ĐG thực trạng và đề xuất các giải pháp hiệu quả giải quyết những bất cập trong QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Hữu Châu (chủ biên), (2008), *Chất lượng giáo dục những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 [2]. Đặng Văn Dân, (2014), *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới nhu cầu đào tạo từ xa ở Việt Nam*, Hà Nội.
 [3]. Nguyễn Minh Đường - Phan Văn Kha (Đồng chủ biên), (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
 [4]. Nguyễn Phương Hiệp, (2006), *Các biện pháp quản lý phát triển đào tạo từ xa tại Viện Đại học Mở Hà Nội*.
 [5]. Phan Văn Kha, (2007), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.



Hình 1: Mô hình QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH

[6]. Phan Văn Kha, (2007), *Đào tạo và sử dụng nhân lực trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
 [7]. Phan Văn Kha, *Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 11, tháng 8/2006,
 [8]. Phan Văn Kha, *Đổi mới giáo dục Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, 2013.
 [9]. Trần Kiểm, (2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

MODEL OF DISTANCE LEARNING TO MEET THE MANPOWER NEEDS WITH BACHELOR DEGREE

Phan Van Kha - The Vietnam Institute of Educational Sciences
Email: pvkha@moet.edu.vn
Pham Phuong Tam - Can Tho University
Email: pptam@ctugtu.edu.vn

Abstract: The article referred to management content of distance learning to meet the manpower needs with bachelor degree towards three approaches: (1) elements of process of distance learning; (2) the needs of labour users; (3) managerial functions to develop theoretical frame in managing distance training in order to satisfy manpower bachelor degree. Then, model with 4 elements of managing distance learning included: (1) Develop distance training plan; (2) Manage planning implementation of distance learning; (3) Manage environmental impact; (4) Manage, inspect, monitor and evaluate process of distance learning. This is the basis to survey the real situation and propose effective solutions in order to address weaknesses in management of distance training to meet manpower with bachelor degree.

Keywords: Distance training; management of distance training; manpower needs with bachelor degree; process of distance learning.